

Bản án số: 248/2024/ DS-ST

Ngày: 26/04/2024

V/v *Kiến đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Tường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhanh
2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

- *Thư ký Toà án:* Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hoài Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2023, về việc “*Kiến đòi tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1611/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 88 ND, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Huy H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 319/56 LVT, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Hoài Ngọc D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 51/1 ấp TC, xã TC, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 1251EI P A, T, CA 901, USA.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ: Số 491 NTMK, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Ông Đoàn Anh P, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/20 CT, Phường 5, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ngân hàng V

Địa chỉ: 188 TQK, Phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng V: Ông Trương Quang M – Giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh S .

Địa chỉ: 69 BTX, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc N ngày 18/07/2022 và các bản tự khai, nguyên đơn ủy quyền cho ông Đoàn Huy H đại diện trình bày:

Vào lúc 11 giờ 30 ngày 03/02/2021, ông N có lập lệnh qua ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại (App) một khoản tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) từ tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tài khoản 10795457 của ông N về tài khoản Ngân hàng V, cũng của ông N số tài khoản 0071000813646, giao dịch đã hoàn thành.

Khi tin nhắn điện thoại thông báo giao dịch hoàn thành (của tài khoản A) đến, thì ông N mới phát hiện ra ông N đã chuyển sai số tài khoản V là 0071000913646 thay vì đúng phải là 0071000813646 và kết quả là số tiền trên đã nằm trong tài khoản V của người có tên Phạm Hoài Ngọc D chứ không phải tên ông N.

Ngay sau đó ông N đã đến A để xác minh giao dịch chuyển nhầm; Ngân hàng A tư vấn ông N qua bên Ngân hàng V nhờ Ngân hàng V giải quyết vì đó là khách hàng của Ngân hàng V. Ngân hàng V có thể giúp liên hệ với bà Phạm Hoài Ngọc D rồi hai bên tự thương lượng với nhau.

Khi tới làm việc với Ngân hàng V thì Ngân hàng V cho biết cũng đã nhận được tra soát của Ngân hàng A, tuy nhiên do không thể liên hệ với bà Phạm Hoài Ngọc D được nên Ngân hàng V không có cơ sở giải quyết sự vụ trừ khi khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Vì vậy, ông N làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên số tiền chuyển khoản nhầm 300.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V 0071000913646 là của nguyên đơn Trần Ngọc N và buộc bị đơn Phạm Hoài Ngọc D cũng như Ngân hàng V có trách nhiệm chuyển trả lại (về A) cho ông N.

Căn cứ của việc khởi kiện: Ông N và bà D hoàn toàn xa lạ, không hề quen biết nhau và chưa từng giao dịch về dân sự cũng như trên tài khoản.

Điều rất đặc biệt là cấu trúc tài khoản Ngân hàng V có 13 số, tài khoản của ông N và của bà D lại giống nhau tới 12 số, chỉ khác một con số duy nhất tại vị trí thứ tám (cụ thể 0071000813646 với 0071000913646); hơn nữa số 8 và 9 trên bàn phím điện thoại cũng thiết kế sát nhau nên trên thực tế người sử dụng rất dễ nhầm lẫn. Ông N và bà D không có mâu thuẫn gì nhưng chỉ vì trong tài khoản Ngân hàng V của bà D đang hiện hữu một số tiền 300.000.000 đồng không có căn cứ pháp luật (chỉ do nhầm lẫn) nhưng lại thuộc sở hữu hợp pháp của ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A (A) ủy quyền cho ông Đoàn Anh P đại diện trình bày:

Hiện nay tại Ngân hàng A (A), ông Trần Ngọc N, sinh ngày 12/10/1972, căn cước công dân số 035072000460, địa chỉ thường trú 88 ND, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0919049277 đang là khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán cá nhân (thông thường), số tài khoản 10795457 mở

ngày 07/02/2020. Trong quá trình ký kết Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Giấy đề nghị mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ A Online, thông tin về tên chủ thể tham gia ký kết là ông Nguyễn Ngọc N thay vì ông Trần Ngọc N là sự nhầm lẫn, tuy nhiên các thông tin cá nhân khác như căn cước công dân, số tài khoản, số điện thoại là phù hợp của ông Trần Ngọc N. Bằng các biện pháp nghiệp vụ, A đã thực hiện nhận diện khách hàng phù hợp với quy định pháp luật.

Về giao dịch chuyển nhầm tiền của ông Trần Ngọc N đối với bà Phạm Hoài Ngọc D: Ngày 03/02/2021, ông Trần Ngọc N trực tiếp đến quầy giao dịch A để xác minh giao dịch chuyển nhầm số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản số 0071000913646 mở tại Ngân hàng V của bà Phạm Hoài Ngọc D bằng hình thức online. Sau khi tiếp nhận được thông tin từ phía ông N, A hướng dẫn ông N liên hệ với Ngân hàng V để nhờ hỗ trợ thu hồi tiền. Cùng ngày, Ngân hàng A – Chi nhánh S đã gửi điện tra soát yêu cầu hỗ trợ thu hồi tiền chuyển nhầm đến Ngân hàng V.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc N: Hiện tại, A không có tranh chấp liên quan đối với vụ án này, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc N, A không có ý kiến bổ sung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời, A xin phép vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án bao gồm nhưng không giới hạn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án và phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án (nếu có).

Tại Văn bản số 203/BC-SGN.KT.m ngày 09/11/2022 của Ngân hàng V - Chi nhánh S và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V uỷ quyền cho ông Trương Quang M đại diện trình bày:

Sau khi xem xét nội dung công văn và rà soát hồ sơ khách hàng, Ngân hàng V - Chi nhánh S cung cấp Bản sao hồ sơ mở tài khoản số 0071000913646, chủ tài khoản Phạm Hoài Ngọc D. Đến hết ngày 08/11/2022, tài khoản số 0071000913646, chủ tài khoản Phạm Hoài Ngọc D, không bị phong tỏa, Ngân hàng sẽ phong tỏa tài khoản khách hàng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Từ thời điểm nhận số tiền 300.000.000 đồng ngày 03/02/2021 và số tiền 100.000 đồng ngày 04/02/2021 (với nội dung ông N chuyển nhầm, đề nghị chủ tài khoản liên hệ lại), tài khoản số 0071000913646, chủ tài khoản Phạm Hoài Ngọc D, không phát sinh giao dịch nào khác.

Ngân hàng V không có ý kiến gì trong vụ án này và sẽ thi hành theo đúng nội dung bản án của Tòa án. Do đó, Ngân hàng V yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Trần Ngọc N uỷ quyền cho ông Đoàn Huy H đại diện trình bày: Theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu Tòa án tuyên số tiền chuyển khoản nhầm 300.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V 0071000913646 là của nguyên đơn Trần Ngọc N và buộc bị đơn Phạm Hoài Ngọc D cũng như Ngân hàng

V có trách nhiệm chuyển trả lại (về A) cho ông N. Nay, ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phạm Hoài Ngọc D phải trả cho ông Trần Ngọc N số tiền 300.000.000 đồng do ông Trần Ngọc N chuyển từ tài khoản Ngân hàng A (A) số 10795457 nhằm vào số tài khoản 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D tại Ngân hàng V (V). Đồng thời, ông Trần Ngọc N được quyền liên hệ với Ngân hàng V (V) để nhận lại số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản số 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định và chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định ông Trần Ngọc N chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng A (A) số 10795457 nhằm vào số tài khoản 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D tại Ngân hàng V (V). Do đó, ông N yêu cầu bà D trả lại số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc N, buộc bà Phạm Hoài Ngọc D phải trả lại cho ông N số tiền 300.000.000 đồng, do ông Trần Ngọc N chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng A (A) số tài khoản 10795457 nhằm vào số tài khoản 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D tại Ngân hàng V (V).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Trần Ngọc N khởi kiện bà Phạm Hoài Ngọc D yêu cầu bà D phải trả cho ông N số tiền 300.000.000 đồng do ông N chuyển khoản nhằm cho bà D, nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Kiện đòi tài sản”. Bị đơn bà Phạm Hoài Ngọc D, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phạm Hoài Ngọc D đã được Toà án thực hiện tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A uỷ quyền cho ông Đoàn Anh P đại diện; Ngân hàng V uỷ quyền cho ông Trương Quang M đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo Văn bản cam kết tài sản riêng của vợ chồng của bà Nguyễn Thị T ngày 10/4/2024, bà Thơm xác nhận ông Trần Ngọc N có chuyển khoản nhằm cho bà Phạm Hoài Ngọc D số tiền 300.000.000 đồng. Bà cam kết số tiền 300.000.000 đồng do ông N chuyển nhằm cho bà D là tài sản riêng của ông N. Do đó, Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị T và tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Căn cứ Giấy đề nghị mở tài khoản cá nhân số HSKH 1408352 của ông Trần Ngọc N tại Ngân hàng V – Chi nhánh G – Phòng giao dịch VCP, có cơ sở xác định ông Trần Ngọc N, sinh năm 12/10/1972, có mở tài khoản số 0071000813646 tại Ngân hàng V từ ngày 02/12/2013 (bút lục số 57).

[5] Căn cứ Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán số 10795457 ngày 07/02/2020, thể hiện: Tên chủ tài khoản Nguyễn Ngọc N, có mở tài khoản số 10795457 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, có hiệu lực từ ngày 07/02/2020, người ký tên Trần Ngọc N (bút lục số 46 - 47).

[6] Căn cứ Phiếu đăng ký dịch vụ A Online ngày 07/02/2020, thể hiện: Ông Nguyễn Ngọc N, số CMND/CCCD/Hộ chiếu 035072000460, ngày cấp 15/4/2016. Phần đăng ký tài khoản thụ hưởng tin cậy ngoài hệ thống A có số tài khoản 0071000813646, tên chủ tài khoản Trần Ngọc N tại V HCM, phiếu đăng ký này do ông Trần Ngọc N ký tên (bút lục số 48 - 49).

[7] Căn cứ lời trình bày của đại diện Ngân hàng A thể hiện: Hiện nay tại Ngân hàng A (A), ông Trần Ngọc N, sinh ngày 12/10/1972, số căn cước công dân 035072000460, địa chỉ thường trú 88 ND, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0919049277 đang là khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán cá nhân (thông thường) số tài khoản 10795457 mở ngày 07/02/2020. Trong quá trình ký kết Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, Giấy đề nghị mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ A Online, thông tin về tên chủ thẻ tham gia ký kết là ông Nguyễn Ngọc N thay vì ông Trần Ngọc N là sự nhầm lẫn, tuy nhiên các thông tin cá nhân khác như căn cước công dân, số tài khoản, số điện thoại là phù hợp của ông Trần Ngọc N. Do đó, có cơ sở xác định ông Trần Ngọc N chính là chủ tài khoản số 10795457 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[8] Việc chuyển số tiền 300.000.000 đồng của ông Trần Ngọc N cho bà Phạm Hoài Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N và bà D không có mối quan hệ thân thích, quan hệ làm ăn, mua bán gì với nhau, chỉ sau khi chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho bà D, thì ông N mới biết được thông tin của bà D sau khi đã liên hệ với ngân hàng.

Về cấu trúc tài khoản Ngân hàng V có 13 số, tài khoản của ông N và của bà D giống nhau tới 12 số, chỉ khác một con số duy nhất tại vị trí thứ tám (cụ thể 0071000813646 với 0071000913646); hơn nữa số 8 và 9 trên bàn phím điện thoại cũng thiết kế ngay sát nhau nên trên thực tế người sử dụng rất dễ bấm nhầm hai số này. Mặt khác, ngay sau khi thực hiện việc chuyển nhầm tiền, ông N đã đến Ngân hàng Á Châu để xác minh giao dịch chuyển nhầm và được Ngân hàng Á Châu hướng dẫn liên hệ với Ngân hàng V để xử lý.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định số tiền 300.000.000 đồng do ông Trần Ngọc N chuyển khoản cho bà Phạm Hoài Ngọc D là một giao dịch dân sự do nhầm lẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc N, yêu cầu bà D hoàn trả lại cho ông N số tiền 300.000.000 đồng theo khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

[9] Hiện nay địa chỉ cư trú của bà Phạm Hoài Ngọc D không rõ ở đâu, mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục xác minh, uỷ thác tư pháp, đăng báo, đăng tin trên đài tiếng nói, cổng thông tin điện tử... tuy nhiên, bà D không có mặt tại phiên toà, Ngân hàng V cũng không thể liên lạc được với bà D. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc N, buộc bà Phạm Hoài Ngọc D phải trả lại cho ông Trần Ngọc N số tiền 300.000.000 đồng từ số tài khoản 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D mở tại Ngân hàng V.

Trường hợp, bà D không thi hành án thì ông Trần Ngọc N có quyền liên hệ với Ngân hàng V để nhận lại số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản số 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D mà không cần thông qua sự đồng ý của bà D.

[10] Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Về phí, lệ phí uỷ thác tư pháp và các chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc N:

1. Buộc bà Phạm Hoài Ngọc D phải trả cho ông Trần Ngọc N số tiền 300.000.000 đồng do ông Trần Ngọc N chuyển từ tài khoản Ngân hàng A (A) số 10795457 nhằm vào số tài khoản 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D tại Ngân hàng V (V).

2. Trường hợp, bà Phạm Hoài Ngọc D không thi hành án thì ông Trần Ngọc N được quyền liên hệ với Ngân hàng V (V) để nhận lại số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), từ tài khoản số 0071000913646 của bà Phạm Hoài Ngọc D.

Kể từ ngày ông Trần Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

3. Về phí, chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp và các chi phí tố tụng khác:

3.1. Về phí ủy thác tư pháp: Ông Trần Ngọc N tự nguyện chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), do ông Trần Ngọc N nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0015664 ngày 08/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3.2. Các chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp và các chi phí tố tụng khác: Ông Trần Ngọc N tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Ngọc N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), được trừ vào số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) do ông Trần Ngọc N nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0039951 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Ngọc N phải nộp tiếp số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Ngọc N có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phạm Hoài Ngọc D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A và Ngân hàng V vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS Tp Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường

